

## HẠN MỨC, BIỂU PHÍ DỊCH VỤ SMS BANKING VÀ CÁC DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÁC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2619I/QĐ-NHKL ngày 31/08/2022  
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

### A. HẠN MỨC, BIỂU PHÍ

I	DỊCH VỤ SMS BANKING	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1	Phí đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
2	Phí duy trì dịch vụ	11.000đ/tháng/ số điện thoại	11.000đ/tháng/ số điện thoại	11.000đ/tháng/ số điện thoại
3	Phí tra cứu số dư TK TGTT	Miễn phí		
II	DỊCH VỤ CHI HỘ LƯƠNG QUA TÀI KHOẢN VÀ THU HỘ PHÍ, HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN			
1	Chi hộ lương qua tài khoản thẻ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
	+ Năm đầu	Miễn phí		
	+ Năm thứ hai trở đi	1.100đ/món		
2	Thu hộ phí, học phí qua TK thẻ liên kết sinh viên	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
	– Thu hộ phí, học phí tự động			
	+ Năm đầu	Miễn phí		
	+ Năm thứ hai trở đi	1.100đ/món		
	– Thu hộ phí, học phí tại quầy giao dịch	Áp dụng theo biểu phí nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tại quầy hiện hành của KienlongBank		
III	DỊCH VỤ THANH TOÁN THẺ TẠI ĐƠN VỊ CHẤP NHẬN THẺ <sup>(1)</sup>	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1	Phí chiết khấu giao dịch thanh toán thẻ tại POS KienlongBank (thu Đơn vị chấp nhận thẻ)			
1.1	Thẻ ghi nợ nội địa	0,4% x Số tiền thanh toán		
1.2	Thẻ Visa/MasterCard/JCB/UnionPay		1,8% x Số tiền thanh toán	2% x Số tiền thanh toán
IV	DỊCH VỤ NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1	Phí đăng ký/thay đổi thông tin/hủy dịch vụ	Miễn phí		
2	Phí nộp thuế điện tử			

2.1	Tại Quầy			
2.1.1	Kho bạc nhà nước có tài khoản tại KienlongBank			
	– Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	– Khác tỉnh/ thành phố	10.000đ/món		
2.1.2	Kho bạc nhà nước có tài khoản tại Ngân hàng khác			
	– Cùng tỉnh/ thành phố	0,02% x Số tiền	10.000đ	1.000.000đ
	– Khác tỉnh/ thành phố	0,04% x Số tiền	10.000đ	1.000.000đ
2.2	Qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế/ Qua kênh Internet Banking của KienlongBank			
2.2.1	Kho bạc nhà nước có tài khoản tại KienlongBank	Miễn phí		
2.2.2	Kho bạc nhà nước có tài khoản tại Ngân hàng khác			
	– Số tiền nhỏ hơn hoặc bằng: 500.000.000đ	10.000đ/món		
	– Số tiền lớn hơn 500.000.000đ	0,01% x Số tiền chuyển		500.000đ/món

## B. NGUYÊN TẮC THU PHÍ

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy giao dịch.
- Các phí khác liên quan không được quy định sẽ được áp dụng theo biểu phí hiện hành của KienlongBank.
- Biểu phí này có thể thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của KienlongBank trong từng thời kỳ.
- (1) Đối với dịch vụ thanh toán thẻ tại Đơn vị chấp nhận thẻ:
  - Giám đốc CN/PGD quyết định mức phí chiết khấu phù hợp đối với từng Đơn vị chấp nhận thẻ theo quy định của KienlongBank.
  - Các trường hợp miễn giảm cao hơn trình Tổng Giám đốc phê duyệt thông qua Trung tâm Thẻ.
  - Phí được tính trên số tiền giao dịch thẻ đối với từng loại thẻ và từng loại giao dịch.
  - Phí được thu theo từng lần và thu vào thời điểm KienlongBank thanh toán cho Đơn vị chấp nhận thẻ khoản phải trả giao dịch thanh toán thẻ trên POS KienlongBank.
  - Phí được thu bằng cách khấu trừ vào khoản phải trả giao dịch thanh toán thẻ trên POS KienlongBank đặt tại Đơn vị chấp nhận thẻ.